TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 5479/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 09/12//2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Tiến Dũng

2/ Bà Nguyễn Thị Hương

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trương Thị Giang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa*:**

Bà Đoàn Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 09/12/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 1676/2024/TLST–HNGĐ ngày 11/7/2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 8730/2024/QĐXXST–HNGĐ ngày 18/10/2024; quyết định hoãn số 9280/2024/QĐST–HNGĐ ngày 11/11/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị Thanh N, sinh năm: 1991

Địa chỉ: X đường G, Tổ dân phố Y, phường T, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Hà Thanh T, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Z, đường T, Khu phố C, phường P, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn Bà Phan Thị Thanh N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và Ông Hà Thanh T tự nguyện kết hôn, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 76 do Ủy ban nhân dân phường L, quận Thủ Đức (nay là Thành phố Thủ Đức) cấp ngày 24/7/2017. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc, đến năm 2018 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, lý do là hai bên bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, đã hàn gắn nhưng không thành, cả hai đã sống ly thân từ năm 18/6/2018 đến nay, trong thời gian ly thân, không còn sự quan tâm lẫn nhau. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với Ông Hà Thanh T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Hà Trường P (Nam), sinh ngày: 18/05/2018, sau ly hôn, Bà Nyêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung;

- Về cấp dưỡng: Bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng

- Về tài sản chung; nợ chung: Bà N tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn có đơn xin được xét xử vắng mặt.

- Đối với bị đơn ông Tđã được Toà án tiến hành các thủ tục tố tụng hợp lệ từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng, không giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án, cũng không có ý kiến nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án tiến hành các thủ tục hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình được pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào kết quả xác minh về tình trạng cư trú của Công an phường Hiệp Phú, thành phố Thủ Đức thì bị đơn có cư trú tại địa chỉ: Z, đường T, Khu phố C, phường P, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do bận công việc, ở xa, bị đơn đã được toà án tiến hành các thủ tục tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228, Điểm a Khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn;

2. Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn, hội đồng xét xử nhận thấy.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Thanh N và Ông Hà Thanh T tự nguyện đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 76 do Ủy ban nhân dân phường L, quận Thủ Đức (nay là Thành phố Thủ Đức) cấp ngày 24/7/2017. Căn cứ Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân giữa ông, bà là hôn nhân hợp pháp.

Theo như lời khai của nguyên đơn, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì Bà N và ông T kết hôn tự nguyện, quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn không thể giải quyết được, nguyên nhân do là hai bên bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, đã hàn gắn nhưng không thành, thực tế đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Quá trình giải quyết vụ việc, Tòa án đã tiến hành hòa giải, hàn gắn, đoàn tụ gia đình nhưng Bà N xác định tình cảm vợ chồng đã không còn, bà giữ nguyên yêu cầu ly hôn, vì lý do bận công việc bà có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn, Tòa án tiến hành triệu tập nhiều lần theo quy định pháp luật để tham gia phiên tòa nhưng ông T vắng mặt không có lý do, cũng không có bất cứ văn bản ghi nhận ý kiến nào khác gửi cho Tòa án đối với yêu cầu ly hôn của bà Ngân, điều này cho thấy ông T cũng không còn sự quan tâm, không có thiện chí hàn gắn quan hệ hôn nhân với bà N;

Nhận thấy, quan hệ hôn nhân vợ chồng phải được xây dựng trên nền tảng vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu nhau, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, vợ chồng thì phải chung sống cùng nhau, có tình nghĩa vợ chồng nhưng theo những gì Bà N thừa nhận tại Tòa án cho thấy giữa ông T và Bà N hiện không còn cuộc sống chung vợ chồng, nên mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

2.2. Về con chung: Căn cứ vào lời trình bày của đương sự cũng như giấy khai sinh, tài liệu, chứng cứ do Bà N cung cấp có cơ sở xác định con tên Hà Trường P (Nam), sinh ngày: 18/05/2018 là con chung của Bà N và ông T. Bà N có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung chưa thành niên, về cấp dưỡng ghi nhận sự tự nguyện của Bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao con chung cho Bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

2.3. Về tài sản chung; nợ chung: Đương sự tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điểm a Khoản 1 Điều 238, Điều 264, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 19, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thanh N

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phan Thị Thanh N và Ông Hà Thanh T.

1.2. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên tên Hà Trường P (Nam), sinh ngày: 18/05/2018 cho Bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3 Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của Bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con;

1.4. Về tài sản chung; nợ chung: Đương sự tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thị Thanh N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0027814 ngày 11/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức. Bà Phan Thị Thanh N đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự TP. Thủ Đức;
- Cơ quan đã thực hiện đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Kim Trang

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**